TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 8 – 2023
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Sĩ Hùng
Bà Đoàn Thị Bẩy

Thư ký phiên toà: Ông Trần Đình Chưởng - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (điểm cầu trung tâm) và Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (điểm cầu thành phần), xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 371/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Thống N, sinh năm 1989 (có mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Chị Lữ Thị Nh, sinh năm 1992 (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Nhà không số, đường X, khóm 9, phường D, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Lê Thống N trình bày:

Về hôn nhân: Anh với chị Lữ Thị Nh kết hôn với nhau vào ngày 18/02/2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống trong việc làm ăn và phát triển kinh tế gia đình, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi. Sự việc xảy ra trong thời gian dài, vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2015 đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với chị Lữ Thị Nh.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Tường Vy, sinh ngày 15/6/2013. Hiện con đang sống cùng chị Nh. Khi ly hôn anh N đồng ý giao con chung cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh N xác định không có.

Về nợ chung: Anh N xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

Bị đơn là chị Lữ Thị Nh: Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để chị Nh biết tham gia tố tụng tại vụ án, nhưng chị đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của chị đối với yêu cầu của anh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Lữ Thị Nh đến để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên xét xử nhưng chị vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nh theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Anh N và chị Nh tự nguyện kết hôn vào ngày 18/02/2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2013, quyển số 01/2013) đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Anh N yêu cầu được ly hôn nên quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Quá trình chung sống anh N xác định giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên thường xuyên cự cãi. Anh chị đã ly thân không còn sống chung từ năm 2015 đến nay. Hiện vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau, anh xác định không thể tiếp tục chung sống với chị Nh được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Nh. Đối với chị Nh đã biết việc anh N xin ly hôn nhưng không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình, không nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh để tự bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo như trình bày của anh N và chấp nhận cho anh N ly hôn với chị Nh.

[4] Về con chung: Có một con chung tên Lê Tường Vy, sinh ngày 15/6/2013. Hiện con đang sống cùng chị Nh. Khi ly hôn anh N giao con chung cho chị Nh tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nh không có ý kiến về yêu cầu này của anh N. Nguyện vọng của cháu Vy là muốn sống cùng mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Thực tế con cũng đang sống cùng chị Nh, để tránh xáo trộn cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của cháu nên tiếp tục giao con chung cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh N không cấp dưỡng nuôi con. Chị Nh không có ý kiến yêu cầu về vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh N nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh N xác định không có. Chị Nh không tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử, không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình và gửi các tài liệu kèm theo chứng minh về vấn đề này nên chấp nhận ý kiến của anh N.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình, anh N phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Lê Thống N ly hôn với chị Lữ Thị Nh.

2/ Về con chung: Giao con chung tên Lê Tường Vy, sinh ngày 16/5/2013 cho chị Lữ Thị Nh tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lê Thống N.

Anh N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lê Thống N phải chịu 300.000đồng. Ngày 14/6/2023, anh N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đồng theo lai thu số 0003578 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu nộp Ngân sách nhà nước toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp Cà Mau;
- UBND xã Định Bình, Tp. Cà Mau.
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thùy Nhiêu